

Số: 1764/TTr-UBND

Mường Lay, ngày 05 tháng 8 năm 2022

TỜ TRÌNH

**Đề nghị ban hành Nghị quyết về Điều chỉnh chỉ tiêu Quy hoạch
sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thị xã Mường Lay.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2021 của HĐND thị xã Mường Lay về việc thông qua Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Thông báo số 543-TB/TU ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Tỉnh ủy Điện Biên về chủ trương phân bổ chỉ tiêu và phương án Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2021-2030, Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 1219/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh Điện Biên về phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đến năm 2030 cho các huyện, thị xã, thành phố.

UBND thị xã Mường Lay kính trình Hội đồng nhân dân thị xã ban hành Nghị quyết thông qua Điều chỉnh chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 thị xã Mường Lay, với các nội dung sau:

1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Quy hoạch sử dụng đất có ý nghĩa đặc biệt quan trọng là cơ sở pháp lý thực hiện công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực hiện

công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra việc quản lý sử dụng đất, đưa công tác quản lý đất đai ở địa phương đi vào nề nếp, góp phần quan trọng thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội; đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả, bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái... Thị xã Mường Lay có diện tích tự nhiên 11.266,56 ha, với nguồn tài nguyên đất phong phú, có nhiều tiềm năng cho phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy, quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 sẽ là cơ sở để khai thác nguồn tài nguyên đất một cách tiết kiệm, hiệu quả, bền vững.

Với tầm quan trọng đó, Ủy ban nhân dân thị xã Mường Lay kính trình Hội đồng nhân dân thị xã xem xét ban hành Nghị quyết thông qua Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 thị xã Mường Lay làm căn cứ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 của thị xã.

2. Căn cứ ban hành Nghị quyết

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Công văn số 944/STNMT-QLĐĐ ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc triển khai thực hiện quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch sử dụng đất các cấp trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Thông báo thẩm định số 1780/TB-HĐTĐQHSDĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng thẩm định quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030 cấp huyện về kết quả thẩm định Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030 thị xã Mường Lay và các báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của nhân dân; các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn.

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2021 của HĐND thị xã Mường Lay về việc thông qua Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Thông báo số 543-TB/TU ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Tỉnh ủy Điện Biên về chủ trương phân bổ chỉ tiêu và phương án Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2021-2030, Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 1219/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh Điện Biên về phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đến

năm 2030 cho các huyện, thị xã, thành phố.

3. Quan điểm, mục đích chỉ đạo xây dựng Nghị quyết

3.1. Quan điểm

Nhằm quản lý chặt chẽ tài nguyên đất đai theo quy hoạch và pháp luật; đảm bảo sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, đảm bảo phát triển bền vững. Phát huy tối đa tiềm năng, nguồn lực về đất đai đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, xây dựng nông thôn mới, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đảm bảo an ninh lương thực và các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của thị xã.

3.2. Mục đích

- Xác định cụ thể diện tích các loại đất sử dụng vào các mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp; phân bổ đất đai đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030 đảm bảo hài hòa các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của thị xã.

- Phân bổ diện tích các loại đất cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong giai đoạn 2021-2030 đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

- Làm cơ sở để quản lý đất đai theo quy hoạch và pháp luật, bảo vệ tài nguyên đất, bảo vệ cải tạo môi trường sinh thái nhằm sử dụng đất có hiệu quả và phát triển bền vững.

- Tạo cơ sở pháp lý và khoa học cho việc tiến hành đầu tư, thực hiện các thủ tục thu hồi đất, giao đất, sử dụng đất đúng pháp luật, đúng mục đích, có hiệu quả, từng bước ổn định công tác quản lý và sử dụng đất.

- Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 làm cơ sở để lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện.

4. Quá trình xây dựng Nghị quyết

Căn cứ các quy định pháp luật, UBND thị xã đã giao Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp các đơn vị có liên quan tham mưu cho UBND thị xã lập Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 thị xã Mường Lay, theo đó sau khi hoàn thiện việc lập, lấy ý kiến nhân dân, UBND thị xã đã trình Hội đồng thẩm định quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 cấp huyện để thẩm định (Thông báo thẩm định số 1780/TB-HĐTĐQHSDĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021 về kết quả thẩm định Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 thị xã Mường Lay), trình Ban Thường vụ cho ý kiến (Thông báo số 191/TB-TU ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Ban thường vụ thị ủy Mường Lay về việc nhất trí dự thảo Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 thị xã Mường Lay). Ngày 20/12/2021, UBND thị xã trình HĐND thị xã thông qua tại Nghị quyết số 23/NQ-HĐND về Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 thị xã Mường Lay. Trên cơ sở Nghị quyết đã ban hành, UBND thị xã thực hiện trình UBND tỉnh phê duyệt tại Tờ trình số 07/TTr-UBND ngày 04/01/2022.

Thực hiện Quyết định số 1219/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của

UBND tỉnh Điện Biên về phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đến năm 2030 cho các huyện, thị xã, thành phố.

Sau khi tiếp thu, tổng hợp các ý kiến, để có cơ sở trình UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 thị xã Mường Lay, UBND thị xã xây dựng Nghị quyết về Điều chỉnh chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 thị xã Mường Lay trình Hội đồng nhân dân thị xã thông qua.

5. Bố cục và nội dung cơ bản của Nghị quyết

5.1 Bố cục của Nghị quyết: Nghị quyết gồm 3 điều:

- Điều 1. Thông qua Điều chỉnh chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 thị xã Mường Lay;
- Điều 2. Tổ chức thực hiện.
- Điều 3. Hiệu lực thi hành.

5.2. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Nghị quyết gồm các chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 thị xã Mường Lay (*chi tiết tại biểu đính kèm*).

(Có dự thảo Nghị quyết kèm theo).

6. Tổ chức thực hiện

Sau khi có Nghị quyết Hội đồng nhân dân thị xã thông qua Điều chỉnh chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn thị xã Mường Lay, Ủy ban nhân dân thị xã sẽ chỉ đạo triển khai thực hiện Quy hoạch đúng theo quy định.

Trên đây là Tờ trình về việc đề nghị ban hành Nghị quyết thông qua Điều chỉnh chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên. UBND thị xã kính trình Hội đồng nhân dân thị xã xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Thị ủy;
- Lãnh đạo UBND thị xã;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, TNMT, CVKT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vũ Xuân Linh

Biểu chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 thị xã Mường Lay

(Kèm theo Tờ trình số 1764/TTr-UBND ngày 05/8/2022 của UBND thị xã)

Diện tích: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích phân cấp tỉnh phân bổ	Diện tích đã thông qua tại Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	So sánh
	Tổng diện tích tự nhiên		11.266,56	11.266,56	
1	Đất nông nghiệp	NNP	9.818,69	9.855,23	36,54
1.1	Đất trồng lúa	LUA	689,28	689,28	
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>177,34</i>	<i>177,34</i>	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	361,87	398,11	36,24
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	52,71	52,71	
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	5.166,04	5.166,04	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD			
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	3.492,51	3.492,51	
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>2.770,64</i>	<i>2.678,37</i>	<i>92,27</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	38,00	38,30	0,30
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	18,28	18,28	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1.382,44	1.345,90	36,54
2.1	Đất quốc phòng	CQP	42,02	45,85	3,83
2.2	Đất an ninh	CAN	2,98	2,98	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK			
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	8,90	8,90	
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	20,81	20,81	
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	4,50	4,50	
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS			
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	2,63	4,13	1,50
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	419,00	424,91	5,91
	<i>Trong đó:</i>				
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>298,11</i>	<i>298,11</i>	
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>26,25</i>	<i>26,25</i>	
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>0,96</i>	<i>0,96</i>	
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>2,66</i>	<i>2,66</i>	
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>14,34</i>	<i>14,34</i>	
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>5,37</i>	<i>5,37</i>	
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>11,78</i>	<i>11,78</i>	
-	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>0,47</i>	<i>0,47</i>	
-	<i>Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia</i>	<i>DKG</i>			
-	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	<i>DDT</i>	<i>8,31</i>	<i>8,31</i>	
-	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	<i>6,55</i>	<i>6,55</i>	
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	<i>5,00</i>	<i>7,20</i>	<i>2,20</i>
-	<i>Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>	<i>NTD</i>	<i>37,20</i>	<i>40,93</i>	<i>3,73</i>

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích phân cấp tỉnh phân bổ	Diện tích đã thông qua tại Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	So sánh
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH			
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH			
-	Đất chợ		2,00	1,98	0,02
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL			
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH		2,55	2,55
2.12	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV		11,10	11,10
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	63,38	63,38	
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	47,70	47,70	
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	7,75	7,75	
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	23,77	1,02	22,75
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG			
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN		1,24	1,24
2.19	Đất sông ngòi kênh rạch suối	SON	699,00	698,70	0,30
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	40,00	0,25	39,75
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK		0,13	0,13
3	Đất chưa sử dụng	CSD	65,43	65,43	
4	Đất khu công nghệ cao	KCN			
5	Đất khu kinh tế	KKT			
6	Đất đô thị	KDT	5.221,00	5.220,75	0,25
7	Đất khu sản xuất nông nghiệp (Khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm)	KNN	233,91	230,05	3,86
8	Khu lâm nghiệp (khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất)	KLN	7.311,68	8.658,55	1.346,87
9	Khu du lịch	KDL	8,29		8,29
10	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT			
11	Khu phát triển công nghiệp (Khu công nghiệp, cụm công nghiệp)	KPC	8,90	8,90	
12	Khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới)	DTC			
13	Khu thương mại, dịch vụ	KTM	20,81	20,81	
14	Khu đô thị - thương mại - dịch vụ	KDV	20,81		20,81
15	Khu dân cư nông thôn	DNT	81,47	84,64	3,17
16	Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn	KON			

Ghi chú: Đối với đất khu chức năng (từ mục 4 đến mục 16) không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên.